



Bài báo nghiên cứu

TỰ ĐÁNH GIÁ KỸ NĂNG THIẾT KẾ VÀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Tuấn Kiệt

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Tuấn Kiệt – Email: kietnt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 14-02-2023; ngày nhận bài sửa: 21-3-2023; ngày duyệt đăng: 23-12-2023

TÓM TẮT

Mục tiêu của bài báo này nhằm xác định mức độ tự đánh giá của sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (HCMUE) về kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN). Khảo sát 384 SV năm thứ hai thuộc các khối ngành Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội và Ngoại ngữ, kết quả cho thấy cả kỹ năng thiết kế lẫn kỹ năng tổ chức ở mức trung bình, độ lệch chuẩn dao động từ 0,762-0,888. Kết quả khảo sát cũng cho thấy: SV tự đánh giá kỹ năng thiết kế kế hoạch tổ chức HĐTN, HN tốt hơn so với kỹ năng tổ chức hoạt động này. Việc lựa chọn loại hình tổ chức và chuẩn bị tư liệu, trang thiết bị được SV đánh giá tốt nhất trong khi nhóm đối tượng này gặp khó khăn trong việc xây dựng các tiêu chí, công cụ kiểm tra đánh giá và xử lý tình huống trong quá trình tổ chức HĐTN, HN. Thông qua kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất các kiến nghị đối với giảng viên và SV HCMUE nhằm phát triển kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN.

Từ khóa: hoạt động trải nghiệm; kỹ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm; kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm; nhận thức của sinh viên

1. Giới thiệu

Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục là hai bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau của hoạt động giáo dục tổng thể trong nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp (National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, 2019). Các hoạt động giáo dục với chức năng trội trong việc hình thành, phát triển thế giới quan khoa học, những phẩm chất đạo đức, lao động, thẩm mỹ, thái độ, tính cách, thói quen... (Tran et al., 2017) vẫn luôn không ngừng được quan tâm, đổi mới, phù hợp với mục tiêu giáo dục, trong đó phải kể đến xu hướng tổ chức HĐTN, HN cho học sinh. Trên cơ sở lý thuyết về học tập trải nghiệm của tác giả như John Dewey, Zadek Kurt Lewin, Jean Piaget, David Kolb... HĐTN, HN với tư cách là hoạt động giáo dục cũng hướng đến việc tiếp cận, thể nghiệm thực tế của người được

Cite this article as: Nguyen Tuan Kiet (2024). Students' self-assessment of skills to design and organize experiential, career-oriented activities: A case study at Ho Chi Minh City University of Education. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(2), 264-272.

giáo dục. Việc này là cần thiết, bởi: một là tạo điều kiện để người học khai thác, kết nối những kiến thức, kinh nghiệm đã có, thông qua việc giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề phù hợp mà hình thành nên tri thức, hiểu biết, kỹ năng mới, phát huy tiềm năng sáng tạo, thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp (Ministry of Education and Training, 2018); hai là cách thức gần như hiệu quả nhất trong việc hình thành và phát triển các mối quan hệ của người học với xã hội nói chung, nhất là cảm xúc và năng lực xã hội (Cortellazzo et al., 2021); ba là tạo tiền đề và thúc đẩy quá trình tự học, tự giáo dục, rèn luyện kỹ năng học tập suốt đời của người học, hoạt động ngoại khóa hay HĐTN, HN được tổ chức hiệu quả cũng tác động đến động cơ, góp phần nâng cao kết quả học tập và tự điều chỉnh, từ đó liên quan đến thành công của người học tại trường (Feraco et al., 2021).

Đối với SV ngành đào tạo giáo viên hiện nay, việc rèn luyện các năng lực, phẩm chất nghề nghiệp, tích cực chuẩn bị và góp phần thực hiện thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là vấn đề quan trọng hàng đầu. Trong đó, kỹ năng thiết kế kế hoạch dạy học, giáo dục và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục là hai trong số các nhóm năng lực cơ bản của người giáo viên (Le, 2006). Kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN đòi hỏi quá trình học tập, rèn luyện, lâu dài, liên tục. SV sư phạm – giáo viên trong tương lai thành thạo hai kỹ năng này là yếu tố then chốt quyết định thành công, hiệu quả của việc thực hiện chương trình HĐTN, HN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tại các trường đào tạo giáo viên đã có nhiều đổi mới, từng bước hướng đến đào tạo, rèn luyện, phát triển kỹ năng này cho SV song thời lượng và điều kiện còn hạn chế, nhất là tổ chức thực tế hoạt động trải nghiệm tại các trường phổ thông. Điều này dẫn đến SV đa phần tiếp thu kiến thức và thực hành giả định trên lớp, làm cho việc kiểm chứng, trải nghiệm của chính SV cũng không nhiều. Từ đó đặt ra vấn đề nghiên cứu, đánh giá kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN của SV để đưa ra các giải pháp hoặc quy trình dạy học phát triển kỹ năng này cho SV tối ưu nhất. Trong giới hạn đề tài, tác giả đưa ra 20 kỹ năng thành phần trong thiết kế kế hoạch và 12 kỹ năng thành phần trong tổ chức HĐTN, HN để SV tự đánh giá mức độ đạt được sau khi tham gia học phần “Tổ chức hoạt động giáo dục ở trường phổ thông” và các hoạt động trải nghiệm khác tại HCMUE. Việc tự đánh giá của SV được hướng dẫn dựa trên các tiêu chí: hiểu biết về nội dung, yêu cầu của kỹ năng; khả năng thực hiện/sự thuần thục trong việc thực hiện các kỹ năng và hiệu quả tương ứng của việc thực hiện đó.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu lí luận: Sử dụng kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, phân loại, hệ thống hóa tài liệu, các văn bản liên quan, những công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước nhằm xây dựng cơ sở lí luận, định hướng cho việc thiết kế công cụ nghiên cứu, quá trình điều tra thực tiễn.

Phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Tác giả sử dụng kết hợp phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn, quan sát, nghiên cứu sản phẩm hoạt động. Trong đó, việc điều tra bằng

bảng hỏi nhằm xác định nhận thức, tự đánh giá kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm của SV. Sau khi thu thập, các phiếu không đáp ứng yêu cầu bị loại bỏ, các phiếu hợp lệ được xử lí. Với quy trình này, tác giả đã tiến hành khảo sát trung cầu ý kiến của 384 SV năm 2 các ngành đào tạo sư phạm, đồng thời phỏng vấn 12 SV, 05 giảng viên (GV) giảng dạy với nội dung tự đánh giá, đánh giá kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN của SV và đề xuất để phát triển hai kỹ năng này cho SV HCMUE.

Thang đo Likert 5 mức độ (1. Yếu; 2. Trung bình; 3. Khá; 4. Tốt; 5. Rất tốt) được sử dụng cho bảng hỏi với quy ước xử lí số liệu như Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Quy ước xử lí số liệu

Khoảng	1,00-1,80	1,81-2,60	2,61-3,40	3,41-4,20	4,21-5,00
Mức độ	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt	Rất tốt

2.2. Kết quả và thảo luận

2.2.1. Kết quả tự đánh giá kỹ năng thiết kế kế hoạch tổ chức HĐTN, HN của SV (xem Biểu đồ 1)

Biểu đồ 1. Kết quả tự đánh giá kỹ năng thiết kế HĐTN, HN của SV



Kĩ năng được SV tự đánh giá bản thân tốt nhất là kĩ năng “Xác định thời gian, địa điểm tổ chức phù hợp” với điểm trung bình là 3,76, độ lệch chuẩn $SD=0,791$. Xác định được thời gian và địa điểm phù hợp là bước đầu tiên quan trọng trong việc lên một thiết kế khả thi. Một hoạt động tổ chức thành công đòi hỏi khi lên thiết kế cần xác định được khung thời gian nhất định và khoảng thời gian bao lâu từ lúc chuẩn bị đến khi hoạt động diễn ra cũng như đưa ra một địa điểm cần phù hợp với đối tượng tham dự và mục đích của hoạt động. Bên cạnh đó, đa số GV đồng tình rằng kĩ năng này không khó do “các yếu tố như chương trình đã quy định về thời gian rõ ràng (phân bổ số tiết trong năm học, trong tuần, số tiết cho mỗi loại hình tổ chức, thời gian một tiết học...) và địa điểm gần như tại lớp, sau đến dưới sân cò chiếm tỉ lệ rất cao”. SV cho biết thêm, các bạn chỉ gặp khó khăn nếu xây dựng kế hoạch tổ chức HĐTN, HN theo chủ đề định kì (hoạt động tham quan, cắm trại, dã ngoại, trại xuân...). Tiếp theo, SV tham gia khảo sát cũng tự đánh giá kĩ năng “Xác định tiến độ thực hiện kế hoạch” tốt thứ hai với điểm trung bình là 3,74 và độ lệch chuẩn $SD=0,802$. Hoạt động thành công khi có kế hoạch tiến độ tổ chức cụ thể. Thời gian từ khi lập kế hoạch đến khi hoạt động kết thúc cần được quản lí chặt chẽ và giám sát tiến độ thực hiện là việc không thể lơ là.

Kĩ năng “Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đối tượng liên quan/phối hợp” được SV tự đánh giá tốt thứ ba với điểm trung bình 3,72. Việc phân công hợp lí cho các đối tượng liên quan/phối hợp sẽ đảm bảo không bỏ sót việc và không có sự trùng lặp giữa con người khi thực hiện các công việc. Một hoạt động được tổ chức thành công hay không phụ thuộc vào việc xác định đầy đủ và hợp lí các phương tiện giáo dục và tài nguyên học tập của hoạt động. Kết quả khảo sát cũng cho thấy SV có kĩ năng “Xác định các phương tiện giáo dục, tài nguyên học tập” tốt thứ tư với điểm trung bình là 3,70. SV được thực hiện các bài thực hành qua nhiều môn học nên kĩ năng này gần như thành thạo.

“Phân tích chương trình hoạt động trải nghiệm” là một trong những kĩ năng vô cùng quan trọng, góp phần thiết kế và tổ chức các HĐTN, HN đúng định hướng và hiệu quả. GV01, GV02 và GV05 đồng quan điểm khi có cùng lập luận trên bởi chương trình HĐTN, HN được xây dựng hệ thống, bài bản theo hướng vừa đồng tâm, vừa tuyến tính, đồng thời có tính mở, sự linh hoạt lớn (Ministry of Education and Training, 2018). GV04 bổ sung rằng các thành tố của HĐTN, HN đa dạng, liên kết rất chặt chẽ với nhau, từ khâu phân tích yêu cầu cần đạt, xác định mục tiêu cho đến đánh giá, điều chỉnh; để làm tốt và nhất là có thể linh hoạt, sáng tạo, mỗi thầy cô cần phải hiểu rất rõ chương trình, hay nói cách khác, chính là kĩ năng phân tích chương trình HĐTN, HN. Tuy vậy, kĩ năng này lại được SV đánh giá yếu nhất với điểm trung bình là 3,52. Gần 85% SV khi được phỏng vấn cho rằng do thời lượng của học phần, phần HĐTN, HN khá ít trong khi SV lần đầu được tiếp cận với hoạt động giáo dục này. Tiếp theo là “Xác định quy trình, cách thức đánh giá” và “Xác định nội dung đánh giá HĐTN” với điểm trung bình lần lượt là 3,53 và 3,57. Có thể thấy, đối với kĩ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm, đa số SV hiện nay đã có thể nắm được các yếu tố cần thiết để viết nên một hoạt động trải nghiệm nhưng vẫn còn hạn chế trong khâu đánh giá. SV khi được hỏi

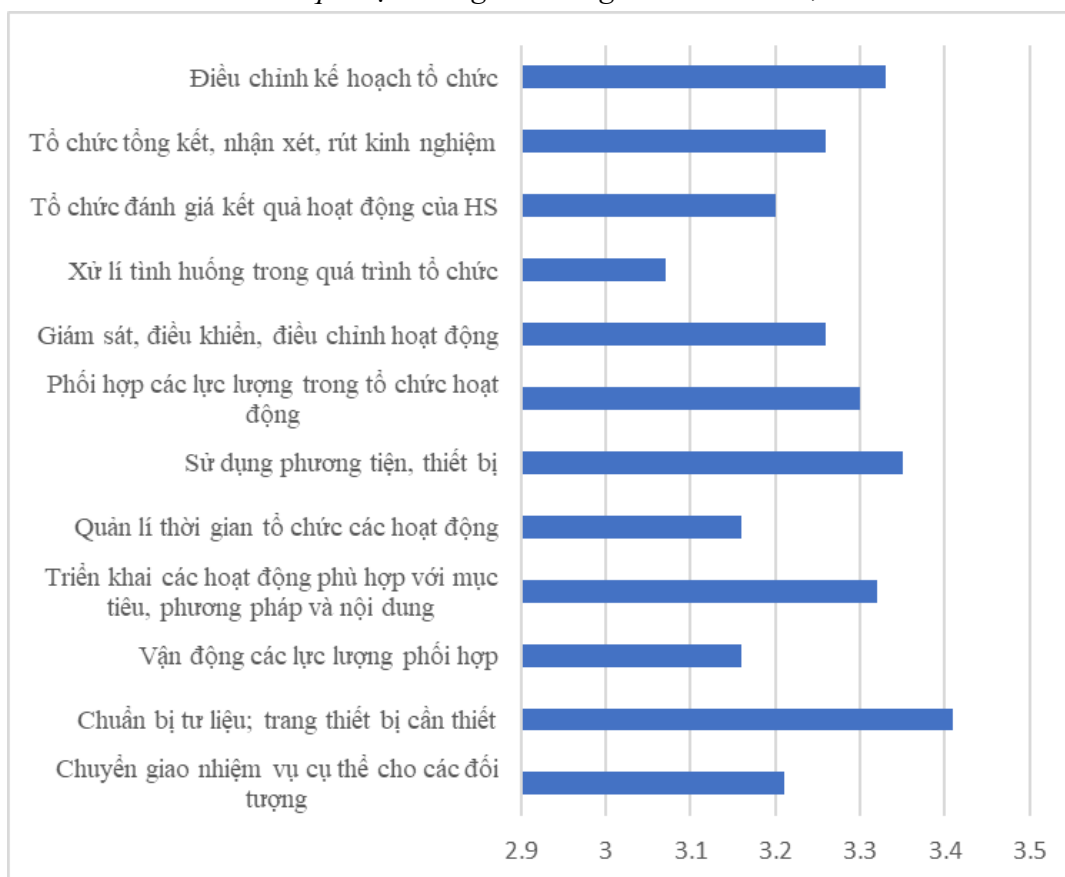
có cùng quan điểm rằng: “việc đánh giá HĐTN, HN khó hơn đánh giá kết quả học tập các môn của học sinh rất nhiều”. “SV ý thức được rằng đánh giá HĐTN, HN cần toàn diện, khách quan, cần nhiều thời gian, phối hợp đa dạng các hình thức, phương pháp, công cụ, cứ liệu, lực lượng đánh giá... Tuy nhiên cũng chính điều này cộng với thời gian có hạn nên SV chưa thấm thấu hết và các em cũng chưa có điều kiện triển khai thực tế” – GV06 chia sẻ. Trong khi đó, để đánh giá HĐTN, HN, cần có kế hoạch cụ thể, yêu cầu người tổ chức xây dựng các tiêu chí và bộ công cụ để đánh giá cụ thể đối với mỗi hoạt động, chủ đề, các tiêu chí đánh giá cần chú ý đến cả quá trình, đánh giá cá nhân và tập thể, phương pháp đánh giá cần đảm bảo độ tin cậy, khách quan, phù hợp với từng đối tượng, lứa tuổi, sử dụng đa dạng các phương pháp và công cụ đánh giá (Nguyen et al., 2022).

Như vậy, ngoài những kỹ năng đã được phân tích ở trên, những kỹ năng còn lại đều được đánh giá ở mức độ 3,59-3,69 (mức độ tốt), độ lệch chuẩn trong các đánh giá này không có sự khác biệt nhiều, thể hiện qua các hệ số SD dao động từ 0,722-0,812.

Bên cạnh đó, kết quả kiểm định cho thấy thang đo có độ tin cậy rất cao với hệ số Cronbach’s Alpha = 0,966 \geq 0,6 và các biến quan sát đều có hệ số tương quan tổng biến phù hợp (\geq 0,3).

2.2.2. Kết quả tự đánh giá kỹ năng tổ chức HĐTN, HN của SV

Biểu đồ 2. Kết quả tự đánh giá kỹ năng tổ chức HĐTN, HN của SV



Điểm trung bình chung của kết quả khảo sát các kỹ năng tổ chức HĐTN của SV là 3,39 điểm, số này nằm trong khoảng nhận định ở mức độ khá. Từ đó có thể thấy các kỹ năng tổ chức HĐTN của SV Trường được các bạn tự đánh giá khiêm tốn hơn kỹ năng thiết kế HĐTN, HN.

Trong đó, kỹ năng các bạn tự tin nhất là “Chuẩn bị tư liệu; trang thiết bị cần thiết” với điểm trung bình 3,46 và độ lệch chuẩn là 0,776. Một hoạt động không thể tổ chức thành công nếu như thiếu khâu chuẩn bị và tổ chức một cách kỹ lưỡng, trong đó việc chuẩn bị trang thiết bị và tư liệu cần thiết là vô cùng quan trọng. Những tư liệu, trang thiết bị tổ chức HĐTN, HN khá đa dạng, thường gần gũi, dễ tìm kiếm và SV cũng đã phần nào định hình được trong quá trình thiết kế hoạt động; do đó, kỹ năng này SV tự nhận thấy khá thành thạo. Các GV02, GV05 nhận định kết quả này là phù hợp với SV hiện nay rất sáng tạo, linh hoạt, chủ động, khai thác tốt các phương tiện, thiết bị, nhất là khi các em đã cân nhắc rất kỹ trong quá trình xây dựng kế hoạch tổ chức. Các SV được GV hướng dẫn rằng “chuẩn bị tốt từ kế hoạch, đến trang thiết bị tức là các em đã thành công được 50%” – SV07 chia sẻ. Tiếp theo cùng với điểm trung bình là 3,43, các kỹ năng “Điều chỉnh kế hoạch HĐTN”; “Phối hợp các lực lượng trong tổ chức hoạt động” được SV tham gia khảo sát tự đánh giá tốt thứ hai. Điều chỉnh kế hoạch là quá trình SV tự đánh giá sự phù hợp của các yếu tố với nhau và điều chỉnh kế hoạch sao cho khả thi, đảm bảo việc triển khai đạt hiệu quả cao nhất có thể. Quá trình này được hướng dẫn và thực hiện nhiều lần bởi GV nên SV sẽ tự tin. Các GV giảng dạy đều trả lời có định hướng, phân tích cho SV về các hoạt động để SV thấy ưu điểm, hạn chế, tiếp tục suy nghĩ phương án tối ưu hơn. Sau khi SV thực hành tổ chức trên lớp, việc tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng, đánh giá của GV tiếp tục là cơ sở để SV hoàn thiện lại kế hoạch lần nữa. Kỹ năng phối hợp là một trong những yếu tố cần thiết để tạo nên hiệu quả trong công việc, chúng ta cần nắm vững các nguyên tắc phối hợp trong công việc và vận dụng hài hòa, phối hợp nhịp nhàng theo đúng nguyên tắc để tiết kiệm thời gian, công sức... hướng tới đạt hiệu quả cao theo kế hoạch đề ra. Tuy nhiên trong trường hợp này, cả GV và SV lí giải về mức tự đánh giá có phần do sự phối hợp đang nằm ở khâu giả định (SV đóng vai) nên diễn ra tương đối thuận lợi. Vì vậy SV10 cho biết “em nghĩ trong thực tế việc phối hợp sẽ khó khăn hơn, tùy thuộc vào nhiều yếu tố nữa”. Từ các nghiên cứu của mình, Nguyễn Thanh Nga và cộng sự (2019), Tiêu Thị Mỹ Hồng (2019) cũng nhấn mạnh thêm về sự cần thiết của việc kết hợp chặt chẽ với các trường phổ thông, đặc biệt là các trường thực hành để tạo điều kiện cho SV được dự giờ, học hỏi và luyện tập tổ chức các HĐTN, HN từ sớm.

Kỹ năng “Xử lí tình huống trong quá trình tổ chức hoạt động” được các bạn SV đánh giá yếu nhất với mức điểm trung bình 3,28. Bởi vì kỹ năng xử lí tình huống là tập hợp những kinh nghiệm, kiến thức và cả sự nhạy bén tích lũy trong quá trình xử lí vấn đề. Trên thực tế, do ở góc độ là SV, việc tổ chức các HĐTN chưa nhiều và không diễn ra thường xuyên nên kỹ năng này sẽ còn hạn chế. Đây là kỹ năng khiến nhiều SV cảm thấy lo lắng, thiếu tự tin khi nhắc đến, bởi theo SV, trong quá trình dạy học vốn dĩ đã phải xử lí những tình huống sư

phạm khó khăn thì trong HĐTN, HN, khi mà học sinh được giao quyền chủ động nhiều hơn, các tình huống phát sinh càng nhiều. Trái ngược với lo lắng của SV, các GV chia sẻ: “Điều này rất bình thường”, sau nhiều lần đứng lớp, SV mới có thể tích lũy kinh nghiệm. GV03 chia sẻ: “Trong quá trình tổ chức thực hành, tôi luôn định hướng các em quan sát một cách kỹ lưỡng, dự phòng được các tình huống có thể phát sinh khi tổ chức trò chơi, đặt câu hỏi... Khi xảy ra vấn đề, trước hết SV cần bình tĩnh để xử lý”. GV02 và GV05 có cùng nhận định: “Do lần đầu đứng lớp tổ chức HĐTN, HN nên SV còn lo lắng. Khi có vấn đề phát sinh, các em thường tập trung giải quyết vấn đề trước mắt mà chưa nhìn ra được cái gốc của vấn đề, nên đôi khi bị dẫn dắt ngược lại.” Nguyễn Ngọc Minh (2014) cũng chỉ ra việc xử lý tình huống sư phạm đòi hỏi chúng ta phải có kiến thức chung về nhiều lĩnh vực, nắm vững đối tượng học sinh, ngôn ngữ, lời nói, thái độ phải phù hợp, thuyết phục (Nguyen, 2014). Ngoài ra, kỹ năng xử lý tình huống gắn liền với năng lực phân tích vấn đề. Nhìn lại ở kỹ năng thiết kế HĐTN, các bạn SV cũng tự đánh giá yếu nhất ở kỹ năng “Phân tích chương trình HĐTN”. Khả năng phát hiện ra vấn đề, phân tích và liên hệ các thông tin để thấu hiểu toàn diện vấn đề; đồng thời đưa ra được các phương án, đánh giá được các phương án và quyết định được hướng giải quyết đòi hỏi rất nhiều ở kinh nghiệm của mỗi người. Do đó, không quá khó hiểu khi các bạn SV tự đánh giá bản thân yếu nhất ở hai kỹ năng này trong các kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN.

Kết quả kiểm định cho thấy Cronbach's Alpha của thang đo là 0,939, các hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát trong thang đo đều lớn hơn 0,4 và không có trường hợp loại bỏ biến quan sát nào có thể làm cho Cronbach's Alpha của thang đo này lớn hơn 0,939. Vì vậy, tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận.

3. Kết luận và kiến nghị

Nghiên cứu trên đối tượng SV năm 2 các ngành đào tạo giáo viên thuộc khối ngành Tự nhiên, Xã hội và Ngoại ngữ Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa ra kết quả tự đánh giá kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN. Kết quả nghiên cứu thể hiện sự khác nhau giữa các mức độ đạt được các kỹ năng cũng như thế mạnh, khó khăn của SV trong việc thiết kế và tổ chức HĐTN, HN. Thông tin nghiên cứu đặt ra nhiều hướng nghiên cứu mới trong tương lai, như những nghiên cứu hoàn thiện lý luận về HĐTN, HN; thực tiễn về thiết kế và tổ chức HĐTN, HN của GV; biện pháp, quy trình dạy học phát triển phẩm chất, năng lực SV đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018... Kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN của SV khối ngành sư phạm có vai trò nền tảng quan trọng trong việc tiếp tục được bồi dưỡng, tự bồi dưỡng, để linh hoạt và sáng tạo trong áp dụng vào thực tế, từ đó góp phần quyết định chất lượng việc triển khai chương trình hoạt động giáo dục bắt buộc này ở trường phổ thông.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự khác nhau và có chênh lệch đáng kể giữa các kỹ năng thành phần trong việc thiết kế và tổ chức HĐTN, HN của SV HCMUE gắn với những lý do

chủ quan và khách quan đã phân tích. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số kiến nghị đối với GV và SV HCMUE nhằm phát triển kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN:

- Đối với GV giảng dạy: Một là, xây dựng quy trình dạy học học phần phù hợp để rèn luyện toàn diện các kỹ năng thiết kế và tổ chức HĐTN, HN cho SV, trong đó tập trung vào các kỹ năng SV còn hạn chế; hai là, kết hợp việc kiểm tra, đánh giá định lượng, định tính với việc khích lệ, động viên, công nhận sự cố gắng của người học; ba là, tăng cường các hoạt động thực hành, thực tế trong học phần và các hoạt động ngoại khóa, gắn với các trường phổ thông để SV có điều kiện tiếp xúc, làm quen, học hỏi, chuẩn bị tâm thế làm nghề.

- Đối với SV sư phạm HCMUE: cần tích cực, chủ động trong quá trình học tập dưới sự tổ chức, hướng dẫn của GV; tự giác rèn luyện, trau dồi các kỹ năng còn hạn chế thông qua việc trao đổi, tự thực hành, tham gia các chuyên đề, hoạt động ngoại khóa, thực hành, thực tế.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cortellazzo, L., Bonesso, S., Gerli, F., & Pizzi, C. (2021). Experiences that matter: Unraveling the link between extracurricular activities and emotional and social competencies. *Frontiers in Psychology, 12*, 1-15. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.659526>
- Feraco, T., Resnati, D., Fregonese, D., Spoto, A., & Meneghetti, C. (2021). Soft skills and extracurricular activities sustain motivation and self-regulated learning at school. *The Journal of Experimental Education, 90*(3), 550-569. <https://doi.org/10.1080/00220973.2021.1873090>
- Le, T. X. L. (2006). Một số vấn đề về năng lực sư phạm và đào tạo năng lực sư phạm cho sinh viên [Some issues about pedagogical capacity and capacity training pedagogy for students]. *Journal of Education, 131*(2), 57-64.
- Ministry of Education and Training. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* [General education program - Experiential activities and experiential, career-oriented activities]. <https://data.moet.gov.vn/index.php/s/xvD7X3JpdxSF855#pdfviewer>
- National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam. (2019). *Education law* (Decision No. 43/2019/QH14 on September 16, 2019). Lao Dong Publishing House.
- Nguyen, N. M. (2014). Hình thành và rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho sinh viên Địa lý trường Sư phạm theo phương thức đào tạo tín chỉ [The formation and training of regular pedagogical skills for students majoring in geography in the university's credit modality]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 54*(1), 71-77.

- Nguyen, T. N., & Hoang, P. M. (2019). Boi duong nang luc su pham thuc tien cho sinh vien su pham de to chuc day hoc theo dinh huong giao duc STEM o trung pho thong [Fostering practical pedagogical capacity for pedagogical students to organize teaching STEM education in high school]. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 16(9), 382-394.
- Nguyen, T. S., Hoang, T. T., & Nguyen, T. H. T. (2022). Thiet ke va to chuc hoat dong trai nghiem, huong nghiep theo hinh thuc tham quan hoc tap trong day hoc mon toan trung hoc co so o khu vuc Tay Bac [Designing and organizing experimental, career-oriented activities in the form of learning visit in teaching maths at junior high schools in the Northwest]. *Tay Bac University Journal of Science*, (26), 102-109.
- Tieu, T. M. H. (2019). Phat trien nang luc to chuc hoat dong trai nghiem cho sinh vien su pham dap ung yeu cau cua chuong trinh giao duc pho thong moi [Developing the capacity to organize experiential activities for pedagogical students to meet the requirements of the new general education program]. *Proceedings of the first international conference on teacher training innovation*. https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/95236/1/KY-0594.pdf
- Tran, T. H., Nguyen, D. D., Ho, V. L., & Ngo, D. Q. (2017). *Giao duc hoc dai cuong* [General education]. Ho Chi Minh City University of Education Publishing House.
-

**STUDENTS' SELF-ASSESSMENT OF SKILLS TO DESIGN AND ORGANIZE
EXPERIENTIAL, CAREER-ORIENTED ACTIVITIES: A CASE STUDY
AT HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION**

Nguyen Tuan Kiet

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Tuan Kiet – Email: kietnt@hcmue.edu.vn

Received: February 14, 2023; Revised: March 21, 2023; Accepted: December 23, 2023

ABSTRACT

This study aimed to explore how students self-assess their skills to design and organize experiential, career-oriented activities (ECO) at Ho Chi Minh City University of Education (HCMUE). A sample of 384 students from Natural Sciences, Social Sciences, and Foreign Languages Faulties participated in the research. The survey results showed that students self-assessed their skills at moderate levels for both design and organizational skills. Students also evaluated their planning skills higher than implementation ones. Students assessed themselves as performing well in selecting organizational models and preparing materials and equipment but facing difficulties in developing criteria, evaluation tools, and handling situations while implementing ECOA activities. Based on the study results, the article also proposes recommendations for HCMUE lecturers and students to enhance their competencies in this area.

Keywords: experiential activities; skills in designing experiential activities; skills in organizing experiential activities; students' awareness